

Bản án số: 93/2025/HS-ST
Ngày 05-6-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nông Biên Hòa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nông Thị Vân

Bà Hoàng Thị Lâm

- *Thư ký phiên toà:* Bà Ma Thị Huyền, Thư ký viên Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà:* Ông Đinh Như Quỳnh, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử công khai đối với vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 107/2025/TLST-HS ngày 05 tháng 5 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 438/2025/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 5 năm 2025, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nông Ngọc D**; Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày 01/11/1980 tại thành phố C, tỉnh Cao Bằng;

Nơi thường trú: Số nhà D, tổ F, phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Nùng; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không;

Con ông: Nông Quốc P, sinh năm 1951; Con bà: Lý Kim O, sinh năm 1951, cùng trú tại: Tổ F, phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Anh, chị, em ruột: Gia đình có 03 anh, em; bị cáo là con thứ hai trong gia đình;

Chồng: Dư Phi H, sinh năm 1978, trú tại: Tổ F, phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Con: Có 01 con sinh năm 2005.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang được tại ngoại. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Lục Thị C, sinh năm 1987. Địa chỉ: Tổ E, phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bế Thị Minh L, sinh năm 1987. Địa chỉ: Tổ F, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 06/02/2025, Phòng C1 - Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C nhận được đơn trình báo của bà Lục Thị C (sinh năm 1987, trú tại: Tổ E, phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) tố giác Nông Ngọc D (sinh năm 1980, trú tại: Tổ F, phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) có hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Sau khi tiếp nhận đơn trình báo, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C đã tiến hành xác minh, điều tra, thu thập các tài liệu chứng cứ làm rõ hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của Nông Ngọc D.

Kết quả khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nông Ngọc D tại Tổ F, phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Cơ quan Cảnh sát điều tra thu được các giấy tờ, tài liệu liên quan đến hành vi cho vay, gồm:

- 01 Căn cước công dân số 004187001720 mang tên Lục Thị C.
- 01 Căn cước công dân số 004188000928 mang tên Phạm Thị Thu T.
- 01 Chứng minh nhân dân số 080466598 mang tên Phan Thị V.
- 01 Giấy mượn tiền ngày 08/10/2024 có nội dung người tên Lục Thị C; CCCD: 004187001720 vay tiền với bà D thường trú tổ F, phường N số tiền 30.000.000đ và có chữ ký xác nhận của Lục Thị C.

Quá trình điều tra xác định: Nông Ngọc D có hành vi cho vay lãi nặng từ khoảng đầu năm 2024, với hình thức cho vay lãi theo tháng, lãi suất từ 7.000đ đến 8.000đ/ 1.000.000đ/ ngày và hình thức "vay bát", với mỗi "bát" vay tương ứng 10.000.000đ, D sẽ thu lãi trước và chỉ đưa cho người vay 7.100.000đ, trong vòng 33 ngày, người vay phải trả đủ cho D 9.000.000đ. Khi người vay có nhu cầu vay tiền sẽ gọi điện thoại cho D và đến nhà của D để thỏa thuận, viết giấy vay tiền, sau đó D giữ giấy vay này, ngoài ra Diệp còn yêu cầu một số người vay còn phải để lại giấy tờ tùy thân. Việc cho vay tiền, thu tiền lãi, tiền gốc được thực hiện bằng tiền mặt hoặc thông qua chuyển khoản ngân hàng. Diệp sử dụng số tài khoản

3300353790 thuộc Ngân hàng B1 mang tên Nông Ngọc D.

Trong năm 2024, Nông Ngọc D đã cho 02 người vay tiền với mức lãi suất 7.000 đồng đến 8.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ ngày. Cụ thể:

1. Lục Thị C (sinh năm 1987, trú tại: Tổ E, phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng): C vay tiền với D nhiều lần, với lãi suất thỏa thuận từ 7.000đ đến 8.000đ/ 1.000.000đ/ ngày, 10 ngày phải trả lãi một lần. Khi vay tiền thì mỗi lần C đều phải viết giấy vay tiền và phải để lại Căn cước công dân cho D giữ. D cho C vay tiền bằng hình thức chuyển khoản và đưa tiền mặt, còn C trả tiền lãi, tiền gốc cho D cũng bằng chuyển khoản và đưa tiền mặt. Cụ thể:

Ngày 27/8/2024, D cho C vay số tiền 20.000.000đ thông qua chuyển khoản. Lãi suất là 7.000đ/1.000.000đ/ngày, 10 ngày phải trả lãi một lần số tiền 1.400.000đ. C đã trả lãi cho D 03 lần với tổng số tiền 5.600.000đ. Đến ngày 07/10/2024, C chuyển khoản cho D 20.000.000đ tiền gốc và 1.400.000đ tiền lãi còn lại, kết thúc khoản vay.

Ngày 08/10/2024, D cho C vay số tiền 30.000.000đ bằng tiền mặt tại nhà D ở Tổ F, phường N, thành phố C. Lãi suất là 8.000đ/1.000.000đ/ngày, 10 ngày phải trả lãi một lần số tiền 2.400.000đ. C đã trả lãi cho D 07 lần với tổng số tiền 16.800.000đ. Đến ngày 21/12/2024, C trả tiền gốc bằng tiền mặt 30.000.000đ cho D tại nhà D, kết thúc khoản vay.

Ngày 25/12/2024, D cho C vay số tiền 20.000.000đ thông qua chuyển khoản. Đến ngày 07/01/2025, D cho C vay thêm số tiền 10.000.000đ cũng thông qua chuyển khoản, tổng cộng 30.000.000đ, lãi suất là 8.000đ/ 1.000.000đ/ngày, 10 ngày trả lãi một lần số tiền 2.400.000đ. C đã trả lãi cho D 02 lần với tổng số tiền 4.800.000đ. Đến ngày 26/01/2025, C chuyển khoản trả gốc cho D số tiền 30.000.000đ, kết thúc khoản vay.

Đối với 03 khoản vay trên, số tiền lãi mà C đã trả cho D là 27.200.000đ, số tiền thu lợi bất chính của D là 25.178.000đ. Lãi suất thực tế trong trường hợp này là từ 6.667đ đến 8.000đ/ 1.000.000đ/ ngày, tương đương 243,3% đến 292,0%/01 năm, gấp 12,2 lần đến 14,6 lần lãi suất cho phép quy định tại Bộ luật Dân sự.

2. Bé Thị Minh L (sinh năm 1987, trú tại: Tổ F, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng): L vay tiền với D nhiều lần, với hình thức "vay bát", mỗi "bát" vay là 10.000.000đ (mười triệu đồng) D chỉ đưa cho L 7.100.000đ. Thỏa thuận cứ mỗi 05 ngày L sẽ phải trả tiền cho D một lần, số tiền 1.500.000đ, tổng cộng 06 lần, và lần cuối là 900.000đ, trong vòng 40 ngày trả đủ 9.900.000đ thì kết thúc khoản vay. Khi vay nhiều "bát" thì cũng tính theo tỉ lệ như vậy. L vay tiền với D không phải viết giấy vay tiền hay cầm cố tài sản, giấy tờ gì. D cho L vay tiền bằng

hình thức chuyển khoản và đưa tiền mặt, còn L trả tiền D cũng bằng chuyển khoản và đưa tiền mặt. Cụ thể:

- Ngày 18/01/2024, L vay Diệp 02 “bát” vay, tương ứng 20.000.000đ. Diệp chuyển khoản cho L số tiền 14.200.000đ. Đến ngày 20/02/2024, L thanh toán đủ 19.800.000đ, kết thúc khoản vay. Số tiền lãi Diệp thu là 5.600.000đ

- Ngày 08/02/2024, L vay Diệp 02 “bát” vay, tương ứng 20.000.000đ. Diệp chuyển khoản cho L số tiền 14.200.000đ. Đến ngày 13/03/2024, L thanh toán đủ 19.800.000đ, kết thúc khoản vay. số tiền lãi D thu là 5.600.000đ.

- Ngày 11/03/2024, L vay Diệp 02 “bát” vay, tương ứng 20.000.000đ. Diệp chuyển khoản cho L số tiền 14.200.000đ. Đến ngày 12/04/2024 L thanh toán đủ 19.800.000đ, kết thúc khoản vay. Số tiền lãi D thu là 5.600.000đ.

- Ngày 08/04/2024, L vay Diệp 02 “bát” vay, tương ứng 20.000.000đ. Diệp chuyển khoản cho L số tiền 14.200.000đ. Đến ngày 11/05/2024, L thanh toán đủ 19.800.000đ, kết thúc khoản vay, số tiền lãi D thu là 5.600.000đ.

- Ngày 20/05/2024, L vay Diệp 02 “bát” vay, tương ứng 20.000.000đ. Diệp chuyển khoản cho L số tiền 14.200.000đ. Đến ngày 21/06/2024, L thanh toán đủ 19.800.000đ, kết thúc khoản vay. Số tiền lãi D thu là 5.600.000đ.

- Ngày 03/06/2024, L vay D 01 “bát” vay, tương ứng 10.000.000đ. Diệp chuyển khoản cho L số tiền 7.100.000đ. Đến ngày 13/07/2024, L thanh toán đủ 10.000.000đ, kết thúc khoản vay. Số tiền lãi D thu là 2.900.000đ.

Đối với 06 khoản vay trên tổng số tiền lãi L đã trả cho D là 30.900.000đ, tổng số tiền thu lợi bất chính của D là 28.842.000đ. Lãi suất thực tế trong trường hợp này là từ 7.073đ đến 8.571đ/ 1.000.000đ/ ngày, tương đương 258,2% đến 312,8/01 năm, gấp 12,9 đến 15,6 lần lãi suất cho phép quy định tại Bộ luật Dân sự.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nông Ngọc D đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C đề nghị truy tố về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Ngày 05/5/2025, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã ban hành Cáo trạng số: 23/CTr-VKSCB.P2 truy tố bị cáo Nông Ngọc D về Tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nông Ngọc D khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu ở trên và thừa nhận Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố là đúng với hành vi đã thực hiện. Về người vay, số tiền vay, số tiền lãi, số tiền trả là đúng.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa đều khai: Đề nghị Tòa xem xét, giải quyết hành vi phạm tội của bị cáo và các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

Kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội đánh giá các tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo và khẳng định quyết định truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nông Ngọc D về Tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

Tội danh: Tuyên bố bị cáo Nông Ngọc D phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Điều luật áp dụng và hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo phạt tiền từ 50.000.000đồng – 60.000.000đ để nộp ngân sách Nhà nước.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng

Biện pháp tư pháp: Truy thu đối với bị cáo tổng số tiền 184.080.000đ (Một trăm tám mươi tư triệu không trăm tám mươi nghìn đồng) (gồm: Số tiền cho vay: 180.000.000đồng + số tiền lãi đã thu tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo đã thu của người vay là 4.080.000đ) để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Buộc bị cáo phải trả số tiền thu lợi bất chính cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan với tổng số tiền: 54.020.000đ.

Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự đề nghị HĐXX: Tịch thu chiếc điện thoại di động của Nông Ngọc D và trả lại các giấy tờ cho bị cáo.

Về Án phí: Bị cáo Nông Ngọc D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị cáo Nông Ngọc D không có ý kiến tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C, Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên

trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Xét lời khai nhận tội của bị cáo Nông Ngọc D tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp nhau, phù hợp với các bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung; lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án; Trích xuất dữ liệu điện tử từ chiếc điện thoại thu giữ của bị cáo thể hiện nội dung liên quan đến hành vi bị cáo thực hiện; Sao kê tài khoản ngân hàng; B thông kê thu lợi bất chính có xác nhận của bị cáo và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ kết luận:

Trong khoảng thời gian từ đầu năm 2024 đến tháng 02 năm 2025 bị cáo Nông Ngọc D đã cho nhiều người vay tiền với lãi suất từ 6.667 đồng đến 8.571 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày tương đương lãi suất 243,3% đến 312,8/ 01 năm, gấp 12,2 lần đến 15,6 lần lãi suất cho phép quy định tại Bộ luật Dân sự nhằm mục đích thu lợi bất chính. Tổng số tiền bị cáo đã cho vay là 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng). Tổng số tiền lãi thu được là 58.100.000đ (Năm mươi tám triệu đồng), trong đó số tiền thu lợi bất chính là 54.019.000đ (Năm mươi tư triệu không trăm mười chín nghìn đồng).

Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, động cơ phạm tội nhằm được hưởng lợi từ hành vi cho vay lãi nặng. Việc bị cáo Nông Ngọc D thực hiện hành vi cho vay lãi nặng hưởng lợi số tiền 54.019.000đ (Năm mươi tư triệu không trăm mười chín nghìn đồng) đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” thuộc trường hợp “Thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo về tội danh và điều luật đã viện dẫn ở trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, cho vay tiền với lãi suất cao, hành vi đó không những đã trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, xâm phạm đến lợi ích của công dân mà còn mang tính chất bóc lột, làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, gây mất trật tự trị an ở địa phương.

Do vậy, việc đưa bị cáo ra truy tố, xét xử trước pháp luật là cần thiết, nhằm mục đích răn đe giáo dục riêng đối với bị cáo và phục vụ công tác đấu tranh chống

tội phạm và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân: Bị cáo Nông Ngọc D có nhân thân tốt; không có tiền án, tiền sự.

- Về tình tiết tăng nặng: Không có.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Nông Ngọc D phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn ănh hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo có bố là ông Nông Quốc P là thương binh hạng 4, có mẹ được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhất; ngày 03/4/2025 bị cáo Nông Ngọc D đã nộp một phần số tiền thu lợi bất chính là 5.000.000đ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt chính: Căn cứ vào nhân thân, vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra; các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Xét thấy: Hành vi bị cáo phạm vào tội ít nghiêm trọng, bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ; có nơi cư trú rõ ràng; tội cho vay lãi nặng là tội vi phạm trật tự quản lý kinh tế, mục đích của bị cáo là lợi nhuận. Do đó, áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo cũng đủ sức răn đe giáo dục và phòng ngừa chung.

Xét mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: Khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng*”. Hội đồng xét xử đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Biện pháp tư pháp: Căn cứ vào công văn hướng dẫn số: 212/TANDTC-PC, ngày 13-9-2019 của Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự; Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20-12-2021 hướng dẫn áp dụng Điều 201 Bộ luật Hình sự về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, cần xử:

[6.1] Đối với khoản tiền bị cáo cho vay (tiền gốc): Khoản tiền cho vay (tiền gốc) 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng) là phương tiện phạm tội bị cáo sử dụng cho các cá nhân vay với lãi suất 243,3% đến 312,8%/ năm vượt mức lãi suất cho phép theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 từ 12,2 lần

đến 15,6 lần so với mức lãi suất tối đa trong giao dịch dân sự được quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự thì cần truy thu nộp vào Ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

[6.2] Đối với khoản tiền lãi và khoản tiền thu lợi bất chính:

Đối với khoản tiền lãi không vượt quá mức lãi suất 20%/năm: 4.080.000đ đồng đây là khoản tiền phát sinh từ hành vi phạm tội nên cần tịch thu đối với bị cáo để nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với khoản tiền lãi suất vượt quá trên 20%/năm: Đây là khoản tiền bị cáo thu lợi bất chính từ người vay nên cần xử buộc bị cáo trả khoản tiền này cho những người vay. Cụ thể: Trả cho bà Lục Thị C số tiền 25.178.000đ; trả cho bà Bé Thị Minh L số tiền 28.842.000đ.

[7] Về xử lý vật chứng: Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về xử lý vật chứng là có căn cứ, cần chấp nhận. Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự để xử lý vật chứng vụ án.

[8] Về các vấn đề khác: Căn cứ các tài liệu đã thu thập được, xác định Nông Ngọc D còn cho 03 người khác vay tiền, thu lãi gồm: Hoàng Hải V1 (sinh năm 1986, trú tại Tổ H, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng); Phạm Thị Thu T (sinh năm 1988, trú tại N, xã H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng); Phan Thị V (sinh năm 1984, trú tại Tổ D, phường S, tỉnh Cao Bằng). Tuy nhiên các khoản vay không xác định được rõ ngày vay, số tiền vay, ngày trả lãi do giao dịch bằng tiền mặt, không có tài liệu chứng minh, một số khoản vay gián đoạn đến nay chưa thanh toán tiền gốc, nên không đủ căn cứ xác định số tiền thu lợi bất chính của bị cáo, không đủ căn cứ xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nông Ngọc D về các giao dịch cho vay với những người này.

[8] Về án phí: Bị cáo Nông Ngọc D phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nông Ngọc D phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nông Ngọc D, xử phạt bị cáo số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) nộp vào ngân sách Nhà nước.

3. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20-12-2021 hướng dẫn áp dụng Điều 201 Bộ luật Hình sự về tội “Cho vay lãi

nặng trong giao dịch dân sự”, xử:

- *Truy thu nộp vào ngân sách Nhà nước:*

+ Số tiền gốc 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng) do bị cáo thực hiện hành vi phạm tội.

+ Số tiền lãi suất tương ứng với lãi suất 20%/năm 4.080.000đ (Bốn triệu không trăm tám mươi nghìn đồng).

Tổng cộng bị cáo phải nộp số tiền 184.080.000đ (Một trăm tám mươi tư triệu không trăm tám mươi nghìn đồng). Xác nhận bị cáo đã nộp 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tại Biên lai thu tiền số 0000549 ngày 03/4/2025 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng và số tiền này sẽ được khấu trừ khi thi hành án.

- *Buộc bị cáo phải trả cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khoản tiền thu lợi bất chính, cụ thể:*

+ Trả cho Lục Thị C, địa chỉ: Tổ E, phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng số tiền 25.178.000đ (Hai mươi lăm triệu một trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

+ Trả cho Bê Thị Minh L, địa chỉ: Tổ F, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng số tiền 28.842.000đ (Hai mươi tám triệu tám trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu nộp vào Ngân sách Nhà nước đối với bị cáo: 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “Điện thoại di động của Nông Ngọc D trong vụ cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Mặt sau có chữ ký của thành phần tham gia niêm phong và đóng giáp lai các dấu hình tròn mực đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh C.

Trả lại cho bị cáo: 01 (một) Căn cước công dân số 004187001720 mang tên Lục Thị C; 01 (một) Căn cước công dân số 004188000928 mang tên Phạm Thị Thu T; 01 (một) Chứng minh nhân dân số 080466598 mang tên Phan Thị V.

Xác nhận toàn bộ các vật chứng, tài sản nêu trên đã được chuyển giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng tại Biên bản giao nhận vật chứng số: 91 ngày 09 tháng 5 năm 2025.

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 12, Điều 21 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nông Ngọc D phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí Hình sự sơ thẩm để sung công quỹ nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo đối với phần liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Cao Bằng;
- Cục THADS tỉnh Cao Bằng.
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh CB;
- Phòng TTKT&THA;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Biên Hòa